

Số 60/2026/QĐST- DS

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 8 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 46, 47, 48, 51, 57, 58, 59 và Điều 288 Bộ luật dân sự;  
Khoản 3 Điều 26, Điều 212, 213, Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban  
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử  
dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026 về việc các  
đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý  
số 83/2026/TLST- DS ngày 13/02/2026, về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín  
dụng”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về  
việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương  
sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có  
đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

*1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:*

*Nguyên đơn:* - Công ty cổ phần M1, nay là Công ty Cổ phần M1

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Chức danh: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phương Trường M- Chuyên viên.

- Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1)

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản  
trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn D1 - Chuyên viên.

*Bị đơn:* Ông Hứa Văn N, sinh năm 1974.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976.

Cùng cư trú: Thôn C, xã N, tỉnh Bắc Ninh.

*2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:*

Vợ chồng ông **Hứa Văn N**, bà **Nguyễn Thị H** phải liên đới có nghĩa vụ trả **Công ty Cổ phần M1** tổng số tiền 1.134.967.751 đồng (Trong đó gồm 936.984.998 đồng nợ gốc và 197.982.753 đồng nợ lãi ).

Vợ chồng ông **Hứa Văn N**, bà **Nguyễn Thị H** phải liên đới có nghĩa vụ trả **Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1)** tổng số tiền 59.735.145 đồng ( Trong đó gồm 49.315.000 đồng nợ gốc và 10.420.145 đồng nợ lãi ).

Thời hạn ông **Hứa Văn N**, bà **Nguyễn Thị H** phải liên đới có nghĩa vụ trả **Công ty Cổ phần M1** và **Ngân hàng thương mại cổ phần V** thịnh vượng số nợ trên chậm nhất vào ngày 12 tháng 10 năm 2026.

Ông **N** và bà **H** phải liên đới có nghĩa vụ trả lãi suất theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10198023 ký ngày 31/05/2024 và Khế ước nhận nợ kèm theo ký ngày 31/05/2024.

Kể từ ngày 13 tháng 10 năm 2026 mà ông **Hứa Văn N** và Bà **Nguyễn Thị H** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho **Công ty Cổ phần M1** và **V1** thì **Công ty Cổ phần M1** và **V1** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho **Công ty Cổ phần M1** và **V1**, cụ thể như sau: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 96, tờ bản đồ số: 13, tại địa chỉ: **Thôn C, Xã H, Huyện L, tỉnh Bắc Giang( Nay là thôn C, xã N, tỉnh Bắc Ninh)** theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BX 518609, Số vào sổ cấp GCN: CH00409; 518/QĐ-UB do **Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang** cấp ngày 22/05/2014.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông **Hứa Văn N** và bà **Nguyễn Thị H** vẫn phải tiếp tục trả nợ cho **Công ty M1** và **V1** cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

Án phí và chi phí tố tụng khác: Ông **Hứa Văn N** và bà **Nguyễn Thị H** phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 23.920.545 đồng và 600.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ tài sản. Do **Công ty M1** AMCDã tạm ứng số tiền trên nên ông **Hứa Văn N** và bà **Nguyễn Thị H** phải liên đới trả **Công ty M1** số tiền 600.000.đồng.

Hoàn trả **Ngân hàng thương mại cổ phần V** 1.363.800 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001399 ngày 12/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Hoàn trả **Công ty cổ phần M1** , nay là **Công ty Cổ phần M1** 21.540.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001400 ngày 12/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND T.Bắc Ninh
- VKSND.KV4-BN
- Phòng THADS. KV4
- UBND xã N.
- Lưu hồ sơ .

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn K**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**KHU VỰC 4- BẮC NINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 07/2026/QĐST- DS

*Bắc Ninh, ngày 21 tháng 01 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH**

## CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 46, 47, 48, 51, 57, 58, 59 và Điều 288 Bộ luật dân sự;  
Khoản 3 Điều 26, Điều 212 và Điều 213, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Điều 26 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy  
ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và  
sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc các  
đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý  
số 05/2025/TLST- DS ngày 06/01/2026, về việc “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản*”.

### XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về  
việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương  
sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên hoà giải thành, không có  
đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### QUYẾT ĐỊNH:

*1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:*

*Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: **Thôn N, xã K, tỉnh Bắc Ninh.**

*Bị đơn:* Anh **Đồng Văn K1**, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: **Thôn H, xã T, tỉnh Bắc Ninh.**

*2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:*

2.1/ Anh **Đồng Văn K1** phải có nghĩa vụ trả bà **Lê Thị H1** 150.000.000 đồng  
(Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc, không phải trả tiền lãi. Số tiền  
150.000.000 đồng ( Một trăm năm mươi triệu đồng) trên là tiền nợ riêng của anh  
**Đồng Văn K1**.

2.2/ *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Anh **Đồng Văn K1** tự nguyện có nghĩa vụ chịu toàn bộ 3.750.000 đồng án  
phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà **Lê Thị H1** 12.600.000 đồng tạm ứng án phí theo  
biên lai thu tiền số 0000054 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc  
Giang.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án  
của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản  
tiền, người phải thi hành án dân sự hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền  
gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật  
dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Trường hợp bản án được thi  
hành theo tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, người  
phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành  
án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND T. Bắc Ninh
- VKSND.KV4-BN
- Phòng THADS KV4
- UBND xã T.
- Lưu hồ sơ .

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn K**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4- BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 03/2025/QĐST- DS

*Bắc Ninh, ngày 22 tháng 7 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 46, 47, 48, 51, 57, 58, 59 và Điều 288 Bộ luật dân sự;  
Khoản 3 Điều 26, Điều 212 và Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân  
sự;

Các Điều 12, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày  
30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,  
thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 71/2025/TLST-DS ngày 26/4/2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

### **XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:*

*Nguyên đơn:* Anh **Vũ Ngọc D2**, sinh năm 1984.

*Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1970.

Người giám hộ của ông **Nguyễn Văn H2**: Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1951.

Cùng cư trú: **Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang( Nay là thôn B, xã N, tỉnh Bắc Ninh)**.

*Người giám sát việc giám hộ:* Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1953.

Nơi cư trú: **Số A, TDP Chi L, P. T, TP ., tỉnh Bắc Giang( Cũ) . Nay là Số 116, TDP Chi L, P. B, tỉnh Bắc Ninh**

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị **Trần Thị T2**, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: **Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang ( Nay là thôn B, xã N, tỉnh Bắc Ninh)**.

*2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:*

2.1. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/10/2022 giữa Bên chuyển nhượng là ông **Nguyễn Văn H2** (Người giám hộ là bà **Nguyễn Thị**

Q) và B nhận chuyển nhượng là vợ chồng anh Vũ Ngọc D2, chị Trần Thị T2 được văn phòng C chứng nhận ngày 24/10/2022, về việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/11/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H2, diện tích 1577m<sup>2</sup> (Theo hiện trạng đo đạc, trích đo địa chính ngày 11/02/2025 nay là thửa số 591, tờ bản đồ số 29, diện tích 1569,9m<sup>2</sup>); địa chỉ thửa đất tại thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Nay là thôn B, xã N, tỉnh Bắc Ninh) trị giá 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) có hiệu lực pháp luật.

2.2. Người giám hộ cho ông Nguyễn Văn H2 - Bà Nguyễn Thị Q có quyền, nghĩa vụ quản lý và sử dụng số tiền 600.000.000 đồng của người được giám hộ - ông Nguyễn Văn H2 để chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị bệnh và chi dùng cho những nhu cầu thiết yếu của người được giám hộ- ông Nguyễn Văn H2 một cách hợp lý và phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại các Điều 57, 58 và 59 của Bộ luật dân sự.

Người giám sát việc giám hộ - ông Nguyễn Văn T1 có quyền và nghĩa vụ giám sát việc giám hộ theo quy định tại Điều 51 và Điều 59 Bộ luật dân sự.

2.3. Anh Vũ Ngọc D2 và chị Trần Thị T2 có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký biến động quyền sử dụng đất, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất ngày 26/11/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H2 (Nay là thửa số 591, tờ bản đồ số 29, diện tích 1569,9m<sup>2</sup>), địa chỉ thửa đất tại thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Nay là thôn B, xã N, tỉnh Bắc Ninh) tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2.4. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị Q.

Anh Vũ Ngọc D2 và chị Trần Thị T2 phải liên đới có nghĩa vụ chịu 7.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 14.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004630 ngày 26/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả anh Vũ Ngọc D2 7.000.000 đồng( Bảy triệu đồng).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

**THẨM PHÁN**

- Đương sự;
- VKSND T.BắcNinh
- VKSND.KV4
- PhòngTHADS KV4
- UBND xã Nghĩa Phương.
- Lưu hồ sơ .

**Nguyễn Văn Kiên**